

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Mạnh Linh và ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Diệu T, sinh năm 2000.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Chị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Diệu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn ngày 30-10-2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Từ tháng 9-2024, chị T và anh T1 đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện được. Chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về nuôi con: Chị T và anh Nguyễn Văn T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 14-9-2018. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc và cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án. Do đó không có quan điểm, ý kiến của anh T1 đối việc giải quyết vụ án để lưu trong hồ sơ vụ án. Do anh T1 cố ý vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với chị T nên Tòa án giải quyết vụ việc theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn - anh Nguyễn Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Diệu T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, theo chị T trình bày những mâu thuẫn này không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi các đương sự đến làm việc, hoà giải, xong chỉ có chị T đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án, còn anh T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cả quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không đến làm việc, cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày, nêu ý kiến của mình về việc ly hôn, nuôi con. Qua đó thể hiện anh T1 không có thiện chí hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 14-9-2018. Cháu K hiện còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, mặt khác quá trình giải quyết vụ án, anh T1 cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, giao cháu K cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Diệu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo K, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2018 cho chị Trần Diệu T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Diệu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2024/0001185 ngày 15-11-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Diệu T và anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- UBND p. Hồng Hà, TP. Yên Bái.
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thủy